

Số: /KH-UBND

Hải Phòng, ngày tháng năm 2023

KẾ HOẠCH
Thực hiện chương trình y tế - dân số
trên địa bàn thành phố Hải Phòng năm 2023

Ủy ban nhân dân thành phố xây dựng Kế hoạch thực hiện Chương trình Y tế - Dân số năm 2023 với các nội dung cụ thể như sau:

I. CĂN CỨ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH

1. Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương (khóa XII) về “Tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới”;

2. Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương (khóa XII) về công tác dân số trong tình hình mới;

3. Nghị quyết số 50/NQ-CP ngày 20/5/2021 của Chính phủ về Chương trình hành động Chính phủ thực hiện Nghị quyết Đại hội toàn quốc lần thứ XIII của Đảng;

4. Chỉ thị số 46/CT-TTg ngày 21/12/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường công tác dinh dưỡng trong tình hình mới;

5. Quyết định số 376/QĐ-TTg ngày 20/3/2015 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia phòng, chống bệnh ung thư, tim mạch, đái tháo đường, bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính, hen phế quản và các bệnh không lây nhiễm khác giai đoạn 2015 - 2025;

6. Quyết định số 2348/QĐ-TTg ngày 05/12/2016 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án xây dựng và phát triển mạng lưới y tế cơ sở trong tình hình mới;

7. Quyết định số 1092/QĐ-TTg ngày 02/9/2018 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình sức khỏe Việt nam;

8. Quyết định số 41/QĐ-TTg ngày 08/01/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án “Bảo đảm dinh dưỡng hợp lý và tăng cường hoạt động thể lực cho trẻ em, học sinh, sinh viên để nâng cao sức khỏe, dự phòng bệnh ung thư, tim mạch, đái tháo đường, bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính và hen phế quản giai đoạn 2018 - 2025;

9. Quyết định số 1679/QĐ-TTg ngày 22/11/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược Dân số Việt Nam đến năm 2030;

10. Quyết định số 1896/QĐ-TTg ngày 25/12/2019 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chương trình “Chăm sóc 1.000 ngày đầu đời nhằm phòng, chống suy dinh dưỡng bà mẹ, trẻ em, nâng cao tầm vóc người Việt Nam”;

11. Quyết định số 588/QĐ-TTg ngày 28/4/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình Điều chỉnh mức sinh phù hợp các vùng, đối tượng đến năm 2030;

12. Quyết định số 537/QĐ-TTg ngày 17/4/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình truyền thông Dân số đến năm 2030;

13. Quyết định số 659/QĐ-TTg ngày 20/5/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình chăm sóc và nâng cao sức khỏe người lao động, phòng chống bệnh nghề nghiệp giai đoạn 2020 – 2030;

14. Quyết định số 1579/QĐ-TTg ngày 13/10/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình Chăm sóc sức khỏe người cao tuổi đến năm 2030;

15. Quyết định số 1848/QĐ-TTg ngày 19/11/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình củng cố, phát triển và nâng cao chất lượng dịch vụ kế hoạch hóa gia đình đến năm 2030;

16. Quyết định số 1999/QĐ-TTg ngày 07/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mở rộng tầm soát, chẩn đoán, điều trị một số bệnh, tật trước sinh và sơ sinh đến năm 2030;

17. Quyết định số 2259/QĐ-TTg ngày 30/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình Củng cố và phát triển hệ thống thông tin chuyên ngành dân số đến năm 2030;

18. Quyết định số 1660/QĐ-TTg ngày 02/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chương trình Sức khỏe học đường giai đoạn 2021-2025;

19. Quyết định số 02/QĐ-TTg ngày 05/01/2022 phê duyệt Chiến lược Quốc gia về dinh dưỡng giai đoạn 2021 - 2030 và tầm nhìn 2045;

20. Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025;

21. Quyết định số 155/QĐ-TTg ngày 29/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch quốc gia phòng, chống bệnh không lây nhiễm và rối loạn sức khỏe tâm thần giai đoạn 2022 - 2025;

22. Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28/4/2017 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị;

23. Thông tư số 78/2022/TT-BTC ngày 26/12/2022 của Bộ Tài chính quy định về tổ chức thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2023;

24. Quyết định số 2033/QĐ-BYT ngày 28/3/2018 của Bộ Y tế phê duyệt Kế hoạch quốc gia Truyền thông vận động thực hiện giảm muối trong khẩu phần

ăn để phòng, chống tăng huyết áp, đột quỵ và các bệnh không lây nhiễm khác, giai đoạn 2018-2025;

25. Quyết định số 6847/QĐ-BYT ngày 13/11/2018 của Bộ Y tế phê duyệt Đề án truyền thông về cải thiện vệ sinh cá nhân, vệ sinh môi trường, sử dụng nước sạch nông thôn giai đoạn 2018-2025 và tầm nhìn đến năm 2030;

26. Quyết định số 7562/QĐ-BYT ngày 24/12/2018 của Bộ Y tế phê duyệt kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu của ngành y tế giai đoạn 2019-2030 và tầm nhìn đến năm 2050;

27. Công văn số 7424/BYT-TCDS ngày 18/12/2019 của Bộ Y tế về việc triển khai thực hiện Chiến lược Dân số Việt Nam đến năm 2030 và hướng dẫn xây dựng Kế hoạch hành động giai đoạn 2020-2025 thực hiện Chiến lược Dân số Việt Nam đến năm 2030;

28. Công văn số 3033/BYT-KHTC ngày 02/6/2020 của Bộ Y tế về việc xây dựng kế hoạch và bảo đảm kinh phí thực hiện các nhiệm vụ chi đã được bố trí từ ngân sách Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số cho giai đoạn 2021 - 2025;

29. Công văn số 7272/BYT-KH-TC ngày 27/12/2020 của Bộ Y tế về việc triển khai các giải pháp để duy trì và nâng cao các kết quả của Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số trong thời gian tới;

30. Quyết định số 403/QĐ-BYT ngày 20/01/2021 của Bộ Y tế ban hành Kế hoạch hành động thực hiện chương trình Chăm sóc sức khỏe người cao tuổi đến năm 2030;

31. Quyết định số 2539/QĐ-BYT ngày 24/5/2021 của Bộ Y tế ban hành Kế hoạch hành động thực hiện chương trình mở rộng tầm soát, chẩn đoán, điều trị một số bệnh tật trước sinh và sơ sinh đến năm 2030;

32. Quyết định số 5924/QĐ-BYT ngày 29/12/2021 của Bộ Y tế phê duyệt Kế hoạch thực hiện Chương trình Sức khỏe Việt Nam;

33. Công văn số 252/BYT-DP ngày 14/01/2022 của Bộ Y tế về việc tổ chức triển khai Chiến lược Quốc gia về dinh dưỡng giai đoạn 2021 - 2030.

34. Quyết định số 1294/QĐ-BYT ngày 19/5/2022 của Bộ Y tế ban hành Kế hoạch hành động thực hiện chiến lược Quốc gia về dinh dưỡng đến năm 2025;

35. Công văn số 1810/BYT-KH-TC ngày 03/4/2023 của Bộ Y tế về việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ thuộc Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số chuyển thành nhiệm vụ thường xuyên;

36. Nghị quyết 09/2018/NQ-HĐND ngày 12/7/2018 của Hội đồng nhân dân thành phố ban hành quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị sử dụng ngân sách địa phương;

37. Chương trình hành động số 51-CTr/TU ngày 10/01/2018 của Ban thường vụ Thành ủy về thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 25/10/2017

của Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về công tác dân số trong tình hình mới;

38. Nghị quyết số 23/2019/NQ-HĐND ngày 19/7/2019 của Hội đồng nhân dân thành phố ban hành quy định mức chi cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức và người hoạt động không chuyên trách thành phố Hải Phòng;

39. Nghị quyết số 12/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của Hội đồng nhân dân thành phố ban hành quy định chế độ tiếp khách nước ngoài vào làm việc tại Hải Phòng; Chế độ chi tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế tại Hải Phòng và chế độ tiếp khách trong nước;

40. Nghị quyết số 04/2022/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 của Hội đồng nhân dân thành phố ban hành quy định một số chính sách đặc thù hỗ trợ người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo giai đoạn 2022 – 2025 trên địa bàn thành phố Hải Phòng;

41. Nghị quyết số 16/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của Hội đồng nhân dân thành phố ban hành quy định mức giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh không thuộc phạm vi thanh toán của Quỹ bảo hiểm y tế trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước thuộc thành phố Hải Phòng;

42. Nghị quyết số 17/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của Hội đồng nhân dân thành phố ban hành quy định giá dịch vụ điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế tại các cơ sở điều trị của Nhà nước trên địa bàn thành phố Hải Phòng;

43. Nghị quyết số 15/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của Hội đồng nhân dân thành phố ban hành quy định một số chính sách khuyến khích, hỗ trợ đối với tập thể, cá nhân thực hiện tốt công tác dân số trên địa bàn thành phố Hải Phòng;

44. Kế hoạch số 119/KH-UBND ngày 10/5/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố thực hiện Kế hoạch quốc gia phòng, chống bệnh không lây nhiễm và rối loạn sức khỏe tâm thần trên địa bàn thành phố Hải Phòng giai đoạn 2022 - 2025.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát:

Chủ động phòng, chống dịch bệnh, phát hiện sớm, kịp thời không ché không để dịch lớn xảy ra. Giảm tỷ lệ mắc, tỷ lệ tử vong ở một số bệnh truyền nhiễm nguy hiểm, khống chế tốc độ gia tăng các bệnh không lây nhiễm phổ biến, rối loạn sức khỏe tâm thần, bệnh tật lứa tuổi học đường nhằm bảo đảm sức khỏe cộng đồng. Nâng cao năng lực quản lý, kiểm soát an toàn thực phẩm. Bảo đảm cung cấp máu, an toàn truyền máu và phòng, chống hiệu quả một số bệnh lý huyết học. Không ché và giảm tỷ lệ nhiễm HIV/AIDS trong cộng đồng để giảm tác động của HIV/AIDS đối với sự phát triển kinh tế - xã hội. Duy trì mức sinh thay thế, hạn chế tốc độ tăng tỷ số giới tính khi sinh, cải thiện tình trạng dinh dưỡng, nâng cao chất lượng dân số và chăm sóc sức khỏe người cao tuổi.

Tăng cường công tác kết hợp quân dân y trong chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân, vùng biển đảo, vùng trọng điểm quốc phòng an ninh của thành phố.

2. Mục tiêu cụ thể:

Theo các thành phần của chương trình.

III. PHẠM VI, QUY MÔ, ĐỐI TƯỢNG

1. Phạm vi và quy mô: trên địa bàn thành phố Hải Phòng.
2. Đối tượng thụ hưởng: Người dân sinh sống trên địa bàn thành phố Hải Phòng.
3. Đối tượng thực hiện: Sở Y tế và các đơn vị trực thuộc được giao nhiệm vụ thực hiện các dự án, hoạt động của Chương trình.

IV. CÁC THÀNH PHẦN CỦA CHƯƠNG TRÌNH:

Gồm 08 chương trình

1. Chương trình 1: Phòng, chống một số bệnh truyền nhiễm nguy hiểm và các bệnh không lây nhiễm phổ biến

- Mục tiêu chung: Chủ động phòng chống một số dịch bệnh, phát hiện dịch sớm, kịp thời khống chế, không để dịch lớn xảy ra. Giảm tỷ lệ mắc, tỷ lệ chết do một số bệnh xã hội, bệnh dịch nguy hiểm. Khống chế tốc độ gia tăng các bệnh không lây nhiễm phổ biến, bệnh, tật lứa tuổi học đường.

- Mục tiêu cụ thể: theo từng hoạt động.

1.1. Hoạt động phòng, chống lao

a. Mục tiêu chung:

Phát hiện được 80% bệnh nhân mắc lao so với dịch tễ tốc độ giảm mới mắc từ 4-5% mỗi năm.

b. Mục tiêu cụ thể:

- Tỷ lệ mắc bệnh lao dưới 125/100.000 dân
- Giảm 20% BN lao mới mắc

Các chỉ tiêu chuyên môn:

- + Duy trì mạng lưới chống lao từ thành phố xuống xã/phường 100%
- + Số bệnh nhân lao các thể đăng ký điều trị: 1.688
- + Tỷ lệ bỏ trị < 5%
- + Điều trị thành công bệnh nhân lao mới có vi khuẩn học >90% số ca thu nhận
- + Tỷ lệ điều trị thành công bệnh nhân lao kháng thuốc $\geq 70\%$
- + Phối hợp với các tổ chức FIT, SCDI triển khai hoạt động sàng lọc lao và các bệnh hô hấp cho người dân nhằm phát hiện sớm, điều trị kịp thời các thể lao hoạt động và lao tiềm ẩn tiến tới thanh toán bệnh lao trong cộng đồng.

c. Các hoạt động phòng, chống lao:

- Truyền thông, giáo dục sức khỏe phòng chống bệnh lao.
- Đào tạo, tập huấn cho cán bộ các tuyến, giám sát hỗ trợ hoạt động phòng, chống lao.
- Duy trì triển khai đảm bảo chất lượng các hoạt động xét nghiệm, phát hiện, quản lý điều trị bệnh nhân lao, lao kháng thuốc, lao tiềm ẩn...
- Tăng cường sàng lọc, phát hiện các bệnh nhân kháng đa thuốc, tiền siêu kháng thuốc đảm bảo chỉ tiêu kế hoạch, tăng tỷ lệ điều trị thành công, giảm tỷ lệ bỏ trị.
- Tiếp tục triển khai sàng lọc, chẩn đoán, điều trị và điều trị dự phòng lao trẻ em.
- Phối hợp các cơ sở y tế công- công, công- tư tăng cường công tác phát hiện, chuyển gửi người nghi lao, áp dụng kỹ thuật chẩn đoán lao bằng GeneXpert, Truenat để tăng cường phát hiện người bệnh.
- Đảm bảo cung ứng sinh phẩm xét nghiệm và thuốc cho các đơn vị quận/huyện.
- Tiếp tục triển khai hoạt động giám sát thường quy của tuyến thành phố tới huyện và huyện tới xã/phường góp phần duy trì và củng cố mạng lưới chống lao.

1.2. Hoạt động phòng, chống bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính và hen phế quản (BPTNMT&HPQ)

a. Mục tiêu chung:

Phát hiện sớm và điều trị Bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính và Hen phế quản.

b. Mục tiêu cụ thể:

- 50% số người mắc bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính được phát hiện ở giai đoạn sớm trước khi có biến chứng; 50% số người đã phát hiện bệnh được điều trị theo hướng dẫn chuyên môn.
- 50% số người bệnh hen phế quản được phát hiện và điều trị ở giai đoạn sớm trước khi có biến chứng; 50% số người bệnh hen phế quản được điều trị đạt kiểm soát hen, trong đó 20% đạt kiểm soát hoàn toàn.

c. Các hoạt động phòng, chống Bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính và Hen phế quản (BPTNMT&HPQ):

- Kiện toàn mạng lưới “Phòng chống Bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính và Hen phế quản”.
- Truyền thông GDSK về Hen phế quản và BPTNMT cho người dân.
- Đào tạo, tập huấn chuyên môn BPTNMT&HPQ.
- Khám sàng lọc phát hiện sớm người bệnh mắc BPTNMT&HPQ.

- Chẩn đoán, điều trị, quản lý BPTNMT&HPQ.
- Mua thuốc thiết yếu điều trị BPTNMT - Hen phế quản.
- Kiểm tra, giám sát các hoạt động BPTNMT&HPQ.

1.3. Hoạt động phòng, chống phong

a. Mục tiêu chung:

Giảm dần tỉ lệ phát hiện và tỉ lệ lưu hành bệnh phong trong Nhân dân; chăm sóc bệnh nhân phong tàn tật tại nhà; người dân Hải Phòng có nhận thức đúng đắn, khoa học về bệnh phong; loại trừ bệnh phong cấp huyện; phấn đấu một Hải Phòng không còn bệnh phong trong tương lai.

b. Mục tiêu cụ thể:

- Tỷ lệ phát hiện: $<1/100.000$
- Tỷ lệ lưu hành: $<0,2/10.000$
- Tỷ lệ tàn tật của bệnh nhân phong mới: $<15\%$
- Tỷ lệ % số bệnh nhân tàn tật được chăm sóc: 100%

Tiến tới loại trừ bệnh phong cấp huyện.

* Các chỉ tiêu chuyên môn

- Số người được khám để phát hiện bệnh phong: 130.000
- Số bệnh nhân mới được phát hiện: 02; Tỉ lệ tàn tật độ 2: $\leq 15\%$
- Số bệnh nhân ĐHTL trong năm: 02

Số bệnh nhân hoàn thành ĐHTL: 01

Số bệnh nhân được chăm sóc tàn tật (giáo dục: chăm sóc bàn tay, bàn chân mất cảm giác, phòng chống mù lòa, cấp dép Biti's, kính bảo vệ mắt...): 49

Số bệnh nhân được điều trị lổ đáo: 16

Số bệnh nhân phẫu thuật (cò ngón, mắt thỏ, chân cắt cụt...): 01

c. Các hoạt động phòng, chống phong:

- Truyền thông giáo dục y tế về bệnh phong.
- Khám phát hiện và đa hóa trị liệu cho bệnh nhân phong mới.
- Tập huấn, đào tạo cán bộ phụ trách da liễu tuyến quận huyện.
- Tập huấn kiến thức cơ bản về bệnh phong.
- Quản lý tàn tật bệnh nhân phong.
- Quản lý, điều trị bệnh nhân phong tại nhà.
- Công tác loại trừ bệnh phong tuyến huyện.
- Mua thuốc, vật tư, trang thiết bị phục vụ công tác phòng, chống bệnh phong

- Giám sát về công tác: chuyên môn, báo cáo, sổ sách quản lý.

1.4. Hoạt động phòng, chống sốt rét

a. Mục tiêu chung:

Tiếp tục đẩy lùi sốt rét; tập trung cho những vùng sốt rét lưu hành nặng, sốt rét kháng thuốc và các đối tượng nguy cơ cao; củng cố các yếu tố bền vững, ngăn chặn sốt rét quay trở lại tiến tới loại trừ bệnh sốt rét.

b. Mục tiêu cụ thể:

- Không để dịch sốt rét lớn xảy ra.
- Không có tử vong do sốt rét.
- Không để sốt rét lan truyền tại chỗ.
- Giảm tỷ lệ mắc sốt rét dưới 0,01/1.000 dân.
- Dân số được bảo vệ bằng hóa chất: 5.000.
- Số màn được tẩm hóa chất diệt muỗi: 2.500.
- Số lam/test phát hiện ký sinh trùng sốt rét: 1.500.

c. Các hoạt động phòng, chống sốt rét:

- Truyền thông, giáo dục sức khỏe về phòng chống và loại trừ sốt rét.
- Đào tạo, tập huấn chuyên môn về phòng chống và loại trừ sốt rét, giám sát; chẩn đoán, điều trị sốt rét.
- Triển khai các hoạt động theo dõi, đánh giá, nghiên cứu phục vụ công tác phòng chống và loại trừ sốt rét.
- Tăng cường công tác phát hiện, điều trị kịp thời, quản lý ca bệnh sốt rét.
- Kiểm tra, giám sát chuyên môn, hỗ trợ kỹ thuật tại các tuyến và hướng dẫn thực hiện các hoạt động chuyên môn phòng chống và loại trừ sốt rét.
- Giám sát phát hiện, tổ chức điều trị và quản lý bệnh nhân có P.f kháng thuốc Artemisinin và dẫn chất; các chủng ký sinh trùng sốt rét kháng thuốc khác.
- Giám sát lưu hành của muỗi sốt rét, muỗi truyền bệnh sốt rét kháng hóa chất diệt; bảo vệ chủ động cho người dân vùng sốt rét lưu hành bằng phun tồn lưu, tẩm màn hóa chất diệt muỗi, cấp kem xua muỗi.
- Tăng cường hệ thống giám sát, báo cáo trường hợp bệnh sốt rét bằng phần mềm eCDS-MMS tại các tuyến.
- Mua thuốc để điều trị sốt rét; mua hóa chất phun tồn lưu, tẩm màn xua diệt muỗi sốt rét; mua kem xua muỗi phục vụ công tác phòng chống và loại trừ sốt rét.
- Duy trì hoạt động các điểm kính hiển vi xét nghiệm tìm ký sinh trùng sốt rét.
- Quản lý tốt dân di biến động đi, đến vùng sốt rét lưu hành.

1.5. Hoạt động phòng, chống sốt xuất huyết

a. Mục tiêu chung: Chủ động phòng, chống dịch, phát hiện sớm ca mắc; Không chế tỷ lệ mắc, tử vong do sốt xuất huyết, không để dịch lớn xảy ra, đẩy mạnh xã hội hoá công tác phòng chống sốt xuất huyết.

b. Mục tiêu cụ thể:

- Không chế tỷ lệ mắc dưới 14/100.000 dân
- Không chế tỷ lệ chết/mắc do SXHD xuống dưới 0.09 %
- Ít nhất 7 % số bệnh nhân nghi SXHD được chẩn đoán bằng xét nghiệm huyết thanh,
- Ít nhất 3 % số bệnh nhân nghi SXHD được phân lập vi rút,
- Ít nhất 5 % số xã triển khai giám sát dịch tễ chủ động,
- Ít nhất 5 % số xã triển khai phun hóa chất diệt muỗi chủ động,
- Ít nhất 90 % ổ dịch sốt xuất huyết được xử lý theo quy định về chuyên môn và thời gian.

c. Các hoạt động phòng, chống sốt xuất huyết:

- Truyền thông phòng, chống sốt xuất huyết, vận động, hỗ trợ cộng đồng thực hiện vệ sinh môi trường, tổ chức thực hiện các chiến dịch diệt loăng quăng, bọ gậy phòng, chống sốt xuất huyết.
- Đào tạo, tập huấn chuyên môn về phòng, chống sốt xuất huyết.
- Phun hóa chất chủ động phòng chống sốt xuất huyết.
- Giám sát dịch tễ chủ động tại các địa bàn trọng điểm.
- Triển khai hoạt động diệt loăng quăng, bọ gậy, chiến dịch vệ sinh môi trường.
- Củng cố mạng lưới cộng tác viên.
- Kiểm tra, giám sát: Thực hiện định kỳ theo tháng, quý, năm hoặc đột xuất.

1.6. Hoạt động phòng, chống bệnh tim mạch

a. Mục tiêu chung: Tăng cường kiểm soát các yếu tố nguy cơ gây bệnh, đẩy mạnh các biện pháp dự phòng, phát hiện sớm và quản lý điều trị để hạn chế sự gia tăng tỷ lệ người tiền bệnh, mắc bệnh, tàn tật và tử vong sớm do các bệnh lý tim mạch.

b. Mục tiêu cụ thể:

- Nâng cao nhận thức của người dân về dự phòng và kiểm soát THA và các bệnh tim mạch. Phần đầu đạt chỉ tiêu 70% người dân hiểu đúng về huyết áp và các biện pháp phòng, chống THA và các bệnh tim mạch.
- Nâng cao hiểu biết, thay đổi hành vi của người dân để giảm lượng muối trong khẩu phần ăn hàng ngày. Phần đầu 50% số người được phát hiện mắc

THA, bệnh tim mạch và các bệnh liên quan khác được tư vấn, hướng dẫn thực hiện chế độ ăn giảm muối và 50% học sinh phổ thông có hiểu biết về tác hại của việc ăn nhiều muối, nhận biết được các loại thực phẩm chứa nhiều muối.

- Giảm thiểu các hành vi nguy cơ chính để dự phòng mắc bệnh THA và các bệnh lý tim mạch. Phần đầu 70% trạm Y tế xã/phường thực hiện truyền thông về phòng chống bệnh và bảo đảm dinh dưỡng hợp lý, giảm muối trong khẩu phần ăn; tăng cường vận động thể lực về THA và bệnh lý tim mạch.

- Tăng tỷ lệ phát hiện, quản lý điều trị, chăm sóc người mắc bệnh THA. Phần đầu ít nhất 50% người trưởng thành, trong đó 80% người từ 40 tuổi trở lên được đo HA ít nhất 1 lần/năm để phát hiện sớm THA; 50% người mắc THA được phát hiện; 50% số người phát hiện bệnh THA được quản lý điều trị theo hướng dẫn chuyên môn.

- Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực làm công tác dự phòng và quản lý bệnh THA tại tuyến cơ sở. Phần đầu 90% cán bộ y tế được đào tạo về biện pháp dự phòng, phát hiện sớm, giám sát, quản lý điều trị bệnh THA và các bệnh tim mạch. Phần đầu 60% nhân viên y tế trong các cơ sở khám, chữa bệnh có đủ năng lực tư vấn, hướng dẫn chế độ ăn giảm muối trong quản lý, điều trị cho bệnh nhân THA, tim mạch và các bệnh liên quan khác.

- Xây dựng, triển khai và duy trì bền vững mô hình quản lý THA tại tuyến y tế cơ sở.

- Duy trì hệ thống giám sát, quản lý thông tin, thống kê báo cáo. Phần đầu 100% Trạm Y tế xã/phường thực hiện báo cáo bằng phần mềm và 95% cán bộ đầu mối giám sát, thống kê báo cáo các tuyến được tập huấn.

c. Các hoạt động phòng, chống bệnh tim mạch:

- Truyền thông, giáo dục sức khỏe.
- Đào tạo, tập huấn chuyên môn phòng, chống bệnh tim mạch.
- Khám sàng lọc phát hiện sớm, quản lý người bệnh tăng huyết áp.
- Chẩn đoán, điều trị, quản lý.
- Điều tra, giám sát.

1.7. Hoạt động phòng, chống ung thư

a. Mục tiêu chung:

Phát hiện sớm giúp giảm tỷ lệ mắc, tỷ lệ tử vong một số bệnh ung thư như ung thư vú, cổ tử cung, đại trực tràng, ung thư đầu mặt cổ và tiền liệt tuyến.

b. Mục tiêu cụ thể:

- Phát hiện sớm > 20% số người mắc ung thư vú, cổ tử cung, đại trực tràng, ung thư tiền liệt tuyến và ung thư khoang miệng.

- 80% cán bộ y tế hoạt động trong dự án được đào tạo nâng cao nghiệp vụ về phòng chống ung thư.

- Mở rộng mạng lưới PCUT trên toàn thành phố.

- Nâng cao chất lượng và số lượng cán bộ y tế hoạt động trong chương trình.

c. Các hoạt động phòng, chống ung thư:

- Khám sàng lọc phát hiện sớm bệnh nhân mắc ung thư vú, đại tràng, cổ tử cung, khoang miệng, tiền liệt tuyến.... tại cộng đồng.

- Đào tạo, tập huấn chuyên môn phòng, chống bệnh ung thư cho cán bộ y tế cơ sở về dẫn phòng, chống bệnh ung thư.

- Tăng cường công tác tuyên truyền hướng dẫn phòng, chống bệnh ung thư, các yếu tố nguy cơ cho người bệnh và cộng đồng.

- Duy trì cập nhật hệ thống nghi nhận ung thư, tiến tới quản lý tỷ lệ chết do ung thư.

- Mua thiết bị, vật tư phục vụ công tác sàng lọc ung thư.

- Giám sát chuyên môn hoạt động phòng, chống ung thư.

1.8. Hoạt động phòng, chống bệnh đái tháo đường (ĐTĐ)

a. Mục tiêu chung:

Tăng cường kiểm soát các yếu tố nguy cơ gây bệnh, đẩy mạnh các biện pháp dự phòng, phát hiện sớm và quản lý điều trị để hạn chế sự gia tăng, tiến tới làm giảm tỷ lệ người mắc bệnh ĐTĐ tại cộng đồng, hạn chế tàn tật và tử vong sớm do mắc bệnh đái tháo đường, nâng cao sức khỏe của người dân và phát triển kinh tế xã hội của thành phố.

b. Mục tiêu cụ thể:

- Tăng tỷ lệ phát hiện, quản lý điều trị, chăm sóc người mắc bệnh ĐTĐ: Ít nhất 70% người từ 40 tuổi trở lên được sàng lọc bằng phiếu đánh giá nguy cơ và/hoặc xét nghiệm đường máu 01 lần/năm để phát hiện sớm ĐTĐ; 55% người mắc ĐTĐ được phát hiện và 55% số người phát hiện bệnh được quản lý điều trị theo hướng dẫn chuyên môn; 30% người tiền ĐTĐ được phát hiện và 50% số phát hiện được can thiệp dự phòng, điều trị theo hướng dẫn chuyên môn.

- Phát triển, nâng cao năng lực hệ thống để bảo đảm cung cấp dịch vụ phòng, chống bệnh đái tháo đường: 50% Trạm y tế xã thực hiện khám bệnh, chữa bệnh có 02 nhóm thuốc điều trị bệnh ĐTĐ, 95% số Trạm y tế xã thực hiện dự phòng, phát hiện, quản lý điều trị đái tháo đường theo quy định. 90% cán bộ y tế thực hiện công tác phòng, chống bệnh đái tháo đường được đào tạo tập huấn về dự phòng, giám sát, phát hiện, quản lý, chẩn đoán, điều trị bệnh theo quy định.

- Phát triển hệ thống giám sát, quản lý thông tin, thống kê báo cáo bệnh

tim mạch và các yếu tố nguy cơ: 90% Trạm y tế xã và các cơ sở y tế liên quan thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin và thống kê báo cáo đầy đủ kết quả dự phòng, phát hiện, quản lý điều trị và nguyên nhân tử vong do bệnh đái tháo đường. 95% cán bộ đầu mối giám sát, thống kê báo cáo các tuyến được tập huấn về giám sát, quản lý thông tin, thống kê báo cáo đái tháo đường theo quy định.

c. Hoạt động phòng, chống bệnh đái tháo đường:

- Truyền thông, giáo dục sức khỏe phòng, chống bệnh đái tháo đường.
- Đào tạo, tập huấn phòng, chống bệnh đái tháo đường.
- Tăng cường hệ thống cung cấp dịch vụ, chuyên môn kỹ thuật y tế:
 - + Kiến toàn hệ thống cán bộ y tế dự phòng, phát hiện sớm, chẩn đoán, điều trị, quản lý bệnh đái tháo đường từ thành phố đến cấp quận/huyện, xã/phường.
 - + Tăng cường phát hiện, điều trị, quản lý tại trạm y tế và cộng đồng cho người mắc bệnh đái tháo đường theo quy định, bảo đảm cung cấp dịch vụ quản lý, theo dõi và chăm sóc liên tục cho người bệnh.
 - + Nghiên cứu tổ chức các hình thức phát hiện, điều trị, quản lý bệnh đái tháo đường phù hợp tại tuyến xã/phường, trước mắt triển khai phát hiện, điều trị dự phòng và điều trị duy trì theo chỉ định của tuyến trên, từng bước tiến tới tự quản lý điều trị đái tháo đường ở những Trung tâm Y tế, Trạm y tế đủ điều kiện.
 - + Tăng cường hiệu quả hoạt động của lĩnh vực y tế dự phòng trong kiểm soát yếu tố nguy cơ và các tình trạng tiền đái tháo đường.
 - + Hướng dẫn, hỗ trợ, kiểm tra, giám sát hoạt động dự phòng, phát hiện sớm, điều trị, quản lý đái tháo đường, tại trạm y tế và cộng đồng theo quy định. Nâng cao năng lực cho cán bộ Trung tâm y tế huyện để thực hiện việc quản lý, hỗ trợ kỹ thuật cho tuyến xã.
 - + Triển khai các biện pháp sàng lọc phù hợp, hiệu quả để tăng cường phát hiện sớm và quản lý điều trị bệnh đái tháo đường.
 - + Phát triển nguồn nhân lực : Cán bộ y tế huyện, y tế xã tham gia các hoạt động phát hiện sớm, giám sát và quản lý điều trị các bệnh ĐTĐ tại cộng đồng.

1.9. Hoạt động bảo vệ sức khỏe tâm thần

a. Mục tiêu chung

Tăng cường phát hiện sớm và quản lý điều trị các bệnh tâm thần phân liệt, động kinh, trầm cảm, sa sút trí tuệ và các rối loạn sức khỏe tâm thần khác (gọi chung là rối loạn sức khỏe tâm thần). Tiếp tục nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe tâm thần cho nhân dân toàn thành phố theo phương thức lồng ghép vào hoạt động của trạm y tế xã, phường. Đưa chương trình phòng chống bệnh liên quan rối loạn sức khỏe tâm thần vào triển khai đúng với chương trình nâng cao sức khỏe tâm thần cộng đồng.

b. Mục tiêu cụ thể:

- 80% người từ 40 tuổi trở lên được truyền thông, cung cấp thông tin, hướng dẫn để biết theo dõi sức khỏe, phát hiện sớm rối loạn sức khỏe tâm thần.

- Ít nhất 40% người thuộc đối tượng sàng lọc định kỳ sàng lọc một số rối loạn sức khỏe tâm thần theo hướng dẫn sàng lọc từng bệnh; phát hiện được ít nhất 70% người mắc bệnh tâm thần phân liệt và động kinh, 50% người mắc trầm cảm, 30% người bị sa sút trí tuệ và một số rối loạn tâm thần khác; quản lý điều trị ít nhất 80% người bệnh tâm thần phân liệt, 70% người bệnh động kinh và 50% người bệnh trầm cảm đã được phát hiện.

- 100% Bệnh viện đa khoa quận, huyện, Trung tâm y tế có giường bệnh quận, huyện thực hiện quản lý cấp thuốc điều trị cho người bệnh tâm thần phân liệt và động kinh; 28% Bệnh viện đa khoa quận, huyện, Trung tâm y tế có giường bệnh quận, huyện thực hiện quản lý, cấp thuốc cho người bệnh trầm cảm.

- 100% số Trạm Y tế xã thực hiện quản lý cấp thuốc điều trị cho người bệnh tâm thần phân liệt và động kinh; 24% số Trạm Y tế xã quản lý cấp thuốc điều trị cho người bệnh trầm cảm (triển khai tại huyện Thủy Nguyên và quận Lê Chân với 52 trạm y tế tuyến xã/ 217 trạm y tế tuyến xã của toàn thành phố).

- 100% cán bộ y tế thực hiện công tác phòng chống rối loạn sức khỏe tâm thần các tuyến được đào tạo, tập huấn về phát hiện, quản lý điều trị; 95% cán bộ đầu mối giám sát, quản lý thông tin, thống kê báo cáo các tuyến được tập huấn theo quy định. 100% Trạm Y tế xã và các cơ sở y tế liên quan thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin và thống kê báo cáo đầy đủ theo quy định.

c. Các hoạt động bảo vệ sức khỏe tâm thần

- Duy trì tốt hoạt động của chương trình ở 15 quận, huyện bao gồm 217 xã, phường và huyện đảo Bạch Long Vỹ đối với bệnh tâm thần phân liệt và bệnh động kinh.

- Công tác truyền thông: Tiếp tục phổ biến kiến thức, truyền thông lồng ghép với hoạt động tại các xã phường, sử dụng đa dạng và hiệu quả các hình thức truyền thông.

- Đào tạo, tập huấn chuyên môn phát hiện, quản lý, điều trị và phục hồi chức năng bệnh nhân tâm thần.

- Phát triển, nâng cao năng lực hệ thống để triển khai cung cấp các dịch vụ khám sàng lọc, kiểm tra sức khỏe, đo các chỉ số và thực hiện các nghiệm pháp để phát hiện sớm rối loạn sức khỏe tâm thần cho người dân. Tổ chức các hình thức sàng lọc thường xuyên, theo dõi, tư vấn, dự phòng.

- Thực hiện quản lý điều trị, chăm sóc, tái thích ứng cộng đồng xã hội cho người mắc bệnh.

- Hướng dẫn thực hiện và giám sát thực hiện công tác phục hồi chức năng tâm lý xã hội và nghề nghiệp cho người bệnh tâm thần phân liệt và động kinh tại cộng đồng ở các quận, huyện.

- Duy trì hoạt động của chương trình mô hình điểm điều trị động kinh và trầm cảm.

- Mua vật tư, hóa chất, thuốc, trang thiết bị phục vụ cho chương trình.

- Công tác giám sát: thực hiện tốt việc kiểm tra, giám sát các trung tâm y tế quận huyện, xã phường về các việc quản lý hồ sơ bệnh án, kê đơn cấp phát thuốc, công tác dược.

1.10. Hoạt động phòng chống tai nạn thương tích, xây dựng cộng đồng an toàn

a. Mục tiêu chung:

Nâng cao năng lực của ngành y tế trong công tác phòng chống tai nạn thương tích (PCTNTT) tại cộng đồng và nâng cao nhận thức của cộng đồng về công tác PCTNTT, xây dựng cộng đồng an toàn (XDCĐAT) góp phần giảm tỷ lệ mắc, tử vong và tàn tật do tai nạn thương tích.

b. Mục tiêu cụ thể:

- Kiện toàn Ban chỉ đạo PCTNTT tại cộng đồng cấp thành phố và các địa phương.

- 100% các quận/huyện thực hiện tuyên truyền, giáo dục và nâng cao nhận thức của cán bộ y tế và cộng đồng trong PCTNTT

- Trên 90% quận huyện và các bệnh viện tuyến thành phố báo cáo đúng hạn, đầy đủ số liệu mắc, tử vong do tai nạn thương tích tại các cơ sở y tế và cộng đồng.

- Tăng cường năng lực sơ cấp cứu tai nạn thương tích, kỹ năng phòng chống tai nạn thương tích tại cộng đồng.

- Triển khai xây dựng cộng đồng an toàn tại 01 xã/phường trên địa bàn thành phố.

c. Hoạt động phòng chống tai nạn thương tích, xây dựng cộng đồng an toàn:

- Kiện toàn Ban chỉ đạo PCTNTT tại cộng đồng cấp thành phố và các địa phương. Tham mưu cho Sở Y tế, Ủy ban nhân dân thành phố về việc kiện toàn Ban chỉ đạo PCTNTT của thành phố và ban hành các văn bản hướng dẫn các quận huyện.

- Tuyên truyền, giáo dục và nâng cao nhận thức, kỹ năng của cán bộ y tế và cộng đồng trong PCTNTT, XDCĐAT:

- + Cung cấp, phổ biến, hướng dẫn các tài liệu truyền thông về PCTNTT cho các tuyến: in tờ rơi, áp phích, các bài phát thanh...

- + Tập huấn, hướng dẫn xây dựng cộng đồng an toàn, trường học an toàn cho cán bộ y tế quận/huyện.

- + Lồng ghép truyền thông PCTNTT trong các phong trào làng năm hóa sức khỏe, phong trào xây dựng nông thôn mới, ngày Sức khỏe thế giới, tháng an

toàn vệ sinh thực phẩm, tháng hành động quốc gia về an toàn vệ sinh lao động phòng chống cháy nổ hàng năm.

- Nâng cao năng lực báo cáo thống kê số liệu mắc, tử vong do tai nạn thương tích tại các cơ sở y tế và cộng đồng.

- Tăng cường năng lực sơ cấp cứu tai nạn thương tích tại cộng đồng.

- + Duy trì và phát triển các điểm sơ cấp cứu tai nạn giao thông.

- + Xây dựng mạng lưới cộng tác viên sơ cứu, cấp cứu tai nạn thương tích tại cộng đồng thông qua mạng lưới nhân viên y tế thôn, cộng tác viên y tế.

- + Cung cấp trang thiết bị phục vụ sơ cứu, cấp cứu tai nạn thương tích tại cộng đồng, trường học.

- Triển khai xây dựng cộng đồng an toàn tại 01 xã/phường trên địa bàn thành phố:

- + Rà soát năng lực xây dựng cộng đồng an toàn tại các địa phương, tổ chức đăng ký và xây dựng các mô hình an toàn, hướng dẫn các địa phương thực hiện.

- + Phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan tại địa phương thực hiện nhiệm vụ XDCĐAT, lồng ghép với các chương trình phát triển kinh tế xã hội tại địa phương, chương trình xây dựng nông thôn mới...

1.11. Hoạt động vệ sinh môi trường (VSMT) - vệ sinh lao động (VSLĐ)

a. Mục tiêu chung:

- Đảm bảo an toàn y tế, vệ sinh môi trường, phòng chống dịch bệnh cho cộng đồng trên địa bàn thành phố; Nâng cao nhận thức cộng đồng, chủ động trong công tác vệ sinh môi trường, phòng chống dịch bệnh của cộng đồng dân cư.

- Bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe cho người lao động thông qua các hoạt động phòng ngừa, kiểm soát các yếu tố nguy hiểm, có hại tại nơi làm việc, cải thiện điều kiện làm việc, chăm lo sức khỏe, phòng chống bệnh nghề nghiệp, khuyến khích lối sống, dinh dưỡng lành mạnh tại nơi làm việc, đảm bảo sức khỏe và tính mạng của người lao động.

b. Mục tiêu cụ thể:

- Hoạt động VSMT:

- + Kiểm tra điều kiện vệ sinh, giám sát chất lượng nước tại 100% các cơ sở cấp nước có công suất >1000m³/ngày đêm; Kiểm tra điều kiện vệ sinh và giám sát chất lượng nước 24 đơn vị có hoạt động dịch vụ bơi lội 01 lần/năm; Giám sát chất lượng nước theo hợp đồng.

- + Kiểm tra an toàn y tế và vệ sinh phòng dịch tại bến tàu, bến xe phục vụ tết Nguyên đán 2023: 3 điểm (Bến xe khách Vĩnh Niệm, Ga Hải Phòng, Bến xe Thượng Lý) 01 lần/năm.

- + 92% số hộ dân có nhà tiêu hợp vệ sinh.

- Hoạt động VSLĐ:

+ Điều tra, thu thập cơ sở dữ liệu quan trắc môi trường lao động, khám bệnh nghề nghiệp.

+ Quản lý 30% cơ sở lao động có yếu tố có hại gây bệnh nghề nghiệp.

+ Kiểm tra công tác quan trắc môi trường lao động đối với 20% cơ sở lao động có yếu tố có hại gây bệnh nghề nghiệp.

+ Lòng ghép dịch vụ chăm sóc sức khỏe cho người lao động không có hợp đồng lao động vào hoạt động chăm sóc sức khỏe ban đầu tại y tế cơ sở; 30% các cơ sở lao động được tư vấn về các bệnh không lây nhiễm, thực hiện các biện pháp phòng chống, nâng cao sức khỏe, dinh dưỡng hợp vệ sinh, phù hợp điều kiện lao động, tăng cường vận động tại nơi làm việc.

+ Quản lý sức khỏe người lao động tại các cơ sở lao động có nguy cơ mắc bệnh nghề nghiệp (bao gồm cả người lao động tiếp xúc với amiăng): 20% người lao động tại các cơ sở lao động có nguy cơ mắc bệnh nghề nghiệp được tiếp cận thông tin về yếu tố có hại, biện pháp phòng chống và được khám phát hiện sớm bệnh nghề nghiệp.

+ 20% người lao động tiếp xúc với amiăng được quản lý sức khỏe, khám bệnh nghề nghiệp; 30% cơ sở lao động có sử dụng amiăng được giám sát, quan trắc môi trường lao động theo quy định. 100% người bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp được sơ cấp cứu tại nơi làm việc, khám bệnh, điều trị và phục hồi chức năng. 20% người lao động tại các khu công nghiệp, khu chế xuất được tư vấn và cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản, phòng chống HIV/AIDS và nuôi con bằng sữa mẹ (lao động nữ).

+ Đến hết năm 2023, 90% người làm công tác vệ sinh lao động, bệnh nghề nghiệp tại Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố được tập huấn, đào tạo, đào tạo lại về quan trắc môi trường lao động, khám phát hiện bệnh nghề nghiệp; Trên 90% số người làm công tác vệ sinh lao động cấp quận, huyện được tập huấn về vệ sinh lao động, tập huấn cấp chứng chỉ chứng nhận về chuyên môn y tế lao động; Trên 80% số người làm công tác y tế tại các cơ sở lao động được huấn luyện cấp chứng chỉ chứng nhận về chuyên môn y tế lao động, sơ cấp cứu.

c. Hoạt động vệ sinh môi trường - vệ sinh lao động:

- Hoạt động VSMT:

+ Kiểm tra vệ sinh, giám sát chất lượng nước ăn uống, sinh hoạt của các cơ sở cấp nước trên địa bàn.

+ Kiểm tra giám sát việc thực hiện các quy định về quản lý chất thải y tế.

+ Kiểm tra vệ sinh môi trường, phòng chống dịch bệnh.

+ Phối hợp với các ban, ngành, đơn vị liên quan trong công tác ứng phó sự cố môi trường, biến đổi khí hậu, thiên tai.

+ Tham gia truyền thông, triển khai tập huấn về nước sạch, vệ sinh môi trường.

- Hoạt động VSLĐ:

+ Triển khai hoạt động quản lý mạng lưới thực hiện công tác y tế lao động tại các tuyến và các cơ sở lao động.

+ Tăng cường hoạt động truyền thông, giáo dục, tư vấn về vệ sinh lao động, chăm sóc sức khỏe người lao động, phòng chống bệnh nghề nghiệp.

+ Nâng cao năng lực chuyên môn, triển khai có hiệu quả công tác y tế lao động, chăm sóc sức khỏe, phòng chống bệnh nghề nghiệp, sơ cấp cứu cho người lao động tại nơi làm việc.

+ Thực hiện công tác kiểm tra, giám sát, thống kê báo cáo.

1.12. Hoạt động Y tế trường học

a. Mục tiêu chung

Giảm tỷ lệ mắc mới các bệnh tật ở trẻ mầm non, học sinh phổ thông như cận thị, cong vẹo cột sống, thừa cân béo phì, bệnh răng miệng, rối loạn tâm thần học đường, tạo điều kiện cho các em phát triển toàn diện cả thể chất và tinh thần, có sức khỏe tốt để học tập.

b. Mục tiêu cụ thể:

- 95% trường học có sử dụng nước và nhà tiêu hợp vệ sinh.

- 90% các trường thực hiện kiểm tra sức khỏe vào đầu năm học để đánh giá tình trạng dinh dưỡng và sức khỏe, theo dõi sự phát triển thể lực, phát hiện kịp thời các bệnh tật học đường của học sinh.

- 100% cán bộ làm công tác y tế trường học tại các Trung tâm Y tế quận/huyện được tập huấn nâng cao năng lực thông qua bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ.

- Phối hợp với Trung tâm Y tế quận/ huyện thực hiện kiểm tra đánh giá công tác Y tế trường học, giám sát điều kiện vệ sinh trường học tại ít nhất 20 trường học thuộc các cấp học trên địa bàn thành phố theo phân cấp quản lý.

c. Các hoạt động Y tế trường học:

- Đào tạo, tập huấn chuyên môn phòng, chống bệnh, tật lứa tuổi học đường; Nâng cao kiến thức và năng lực phòng chống bệnh tật học đường cho cán bộ chuyên trách ngành y tế.

- Triển khai phòng chống cận thị, cong vẹo cột sống, thừa cân, béo phì, bệnh răng miệng, rối loạn tâm thần học đường và tẩy giun cho học sinh tại các trường thí điểm. Triển khai các hoạt động tự sàng lọc sức khỏe trong trường học nhằm đảm bảo 90% học sinh, giáo viên các trường điểm biết cách tự kiểm tra thị lực, tự đánh giá tình trạng dinh dưỡng, biết sử dụng bộ công cụ sàng lọc phát hiện sớm rối loạn tâm thần cho học sinh.

- Triển khai các hoạt động chăm sóc sức khỏe học sinh tại một số trường điểm nâng cao năng lực thực hiện công tác y tế trường học, tăng cường kiến thức phòng chống bệnh, tật học đường; góp phần giảm tỷ lệ mắc, kiểm soát và hạn chế một số yếu tố nguy cơ của các bệnh, tật học đường.

- Quản lý sức khỏe học sinh, hỗ trợ các trường thí điểm triển khai công tác y tế trường học.

- Quản lý sức khỏe học sinh, hỗ trợ các trường thí điểm triển khai công tác y tế trường học.

- Giám sát, đánh giá hoạt động chăm sóc sức khỏe học sinh, điều kiện vệ sinh trường học.

2. Chương trình 2: Tiêm chủng mở rộng

a) Mục tiêu chung:

Cung cấp dịch vụ tiêm chủng miễn phí cho trẻ em, bảo vệ trẻ khỏi mắc 09 loại bệnh truyền nhiễm phổ biến và gây tử vong cao; cung cấp dịch vụ tiêm chủng miễn phí vắc xin uốn ván cho phụ nữ có thai, đảm bảo an toàn chất lượng và hiệu quả.

b) Mục tiêu cụ thể:

- Trên 95% trẻ dưới 1 tuổi được tiêm chủng đầy đủ 8 loại vắc xin hàng năm (*lao, bạch hầu, ho gà, uốn ván, viêm gan B, viêm màng não mủ do Hib, bại liệt và sởi*);

- Bảo vệ thành quả thanh toán bại liệt (*không có trường hợp bại liệt do vi rút hoang dại*); duy trì thành quả loại trừ uốn ván sơ sinh.

- Trên 85% phụ nữ có thai được tiêm vắc xin uốn ván đủ 2 mũi.

- Thực hiện tiêm vắc xin viêm gan B cho trẻ trong 24 giờ đầu sau khi sinh đạt trên 85%.

- Trên 95% trẻ 18 - 24 tháng tuổi được tiêm vắc xin phòng Sởi - Rubella.

- Trên 80% trẻ 18 - 24 tháng tuổi được tiêm vắc xin DPT mũi 4.

- Trên 95% trẻ dưới 1 tuổi được tiêm vắc xin IPV;

- 100% các trường hợp phản ứng sau tiêm chủng được điều tra theo qui định.

- Tổ chức tiêm vắc xin viêm não Nhật Bản B 2 mũi cơ bản cho trẻ 1 tuổi và tiêm mũi 3 cho trẻ đã được tiêm 2 mũi cơ bản năm 2022 đạt trên 90%.

- 100% các trường hợp phản ứng sau tiêm được điều tra theo quy định.

- 100% các cơ sở tổ chức tiêm chủng thực hiện đúng theo qui định.

- Tỷ lệ mắc sởi <5/100.000 dân.

- Tỷ lệ mắc bạch hầu <0,02/100.000 dân.

- Tỷ lệ mắc ho gà <1/100.000 dân

c) *Các nội dung chủ yếu:*

- Tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch, củng cố tăng cường giám sát tuyến, nâng cao năng lực chuyên môn.

- Hỗ trợ các hoạt động truyền thông, giáo dục.

- Đào tạo, tập huấn chuyên môn tiêm chủng mở rộng.

- Đảm bảo an toàn tiêm chủng, duy trì và củng cố hệ thống giám sát phản ứng sau tiêm chủng, thực hiện đúng quy định của Bộ Y tế trong việc giám sát phản ứng sau tiêm chủng.

- Mua và cung ứng vật tư, thiết bị tiêm chủng mở rộng: Tổ chức cấp phát vắc xin và vật tư tiêm chủng cho Trung tâm Y tế các huyện, quận từ ngày 20 đến ngày 23 hàng tháng: Cấp bổ sung dây chuyền lạnh bảo quản vắc xin cho các TTYT quận, huyện, bệnh viện và điểm tiêm chủng; Cấp bơm kim tiêm các loại; hộp an toàn phục vụ tiêm chủng cho các đơn vị.

- Điều tra, giám sát các bệnh trong chương trình.

- Giám sát tiêm chủng thường xuyên, chiến dịch.

3. Chương trình 3: Dân số và phát triển

a) Mục tiêu chung:

Tập trung tổ chức thực hiện có hiệu quả Chiến lược Dân số Việt Nam đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030, duy trì vững chắc mức sinh thay thế; đưa tỷ số giới tính khi sinh về mức cân bằng tự nhiên; tận dụng hiệu quả cơ cấu dân số vàng; thích ứng với già hóa dân số; phân bố dân số hợp lý và nâng cao chất lượng dân số về cả thể chất và tinh thần đáp ứng nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa và sự phát triển nhanh, bền vững của thành phố, góp phần thực hiện thành công Chiến lược Dân số Việt Nam đến năm 2030.

Củng cố, phát triển hệ thống và nâng cao chất lượng dịch vụ phục hồi chức năng cho người khuyết tật dựa vào cộng đồng; quản lý, chăm sóc sức khỏe cho người cao tuổi.

Từng bước cải thiện sức khỏe bà mẹ và trẻ em thành phố, triển khai các giải pháp nhằm tiếp tục giảm tử vong mẹ và tử vong sơ sinh. Nâng cao nhận thức phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ sử dụng các biện pháp tránh thai hiện đại.

Tiếp tục giảm suy dinh dưỡng nhẹ cân và giảm suy dinh dưỡng thấp còi ở trẻ dưới 5 tuổi; Bữa ăn của người dân được cải thiện về số lượng, cân đối hơn về chất lượng, đảm bảo an toàn vệ sinh; Giảm tỷ lệ thiếu vi chất dinh dưỡng ở những nhóm đối tượng nguy cơ cao (phụ nữ mang thai, phụ nữ tuổi sinh đẻ và trẻ em); Kiểm soát có tình trạng thừa cân - béo phì.

b) Mục tiêu cụ thể:

- Năm 2023 toàn thành phố phấn đấu đạt:

+ Tổng số người mới sử dụng biện pháp tránh thai hiện đại: 91.000 người.

+ Tỷ lệ phụ nữ mang thai được sàng lọc trước sinh: 65,0%.

+ Tỷ lệ trẻ sơ sinh được sàng lọc: 60,0%.

+ Mức giảm tỷ số giới tính khi sinh: -0.1 (điểm %).

+ Tỷ lệ người cao tuổi được tư vấn và khám sức khỏe định kỳ: 65,0%.

+ Tỷ lệ nam, nữ thanh niên được tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn: 65,0%.

- 80% người khuyết tật có nhu cầu được tiếp cận với dịch vụ phục hồi chức năng phù hợp; 60% trẻ em khuyết tật dưới 6 tuổi được phát hiện, can thiệp sớm.

- Tối thiểu 50% người cao tuổi được chăm sóc dự phòng toàn diện, khám sức khỏe định kỳ, được điều trị kịp thời tại các cơ sở y tế.

- Tỷ lệ PN có thai được khám thai > 4 lần trong 3 chu kỳ (%) đạt 95%.

- Tỷ lệ phụ nữ đẻ do nhân viên y tế đã qua đào tạo đỡ đẻ (%) đạt 100%.

- Tỷ lệ BM và trẻ sơ sinh được chăm sóc tại nhà tuần đầu sau đẻ đạt 94%.

- Trẻ sơ sinh được tiêm VitaminK 100%; Số trẻ đẻ ra được bú mẹ trong giờ đầu 60%; Số trẻ đẻ ra được sàng lọc sơ sinh 80%.

- Giảm tỷ suất tử vong trẻ em dưới 1 tuổi (1.000 trẻ đẻ ra sống) < 3,5‰.

- Giảm tỷ suất tử vong trẻ em dưới 5 tuổi (1.000 trẻ đẻ ra sống) < 5,0‰.

- Giảm tỷ số tử vong mẹ/100.000 trẻ đẻ ra sống xuống còn 9/100.000 trẻ đẻ ra sống.

- Trẻ sơ sinh được tiêm vitamin 100%.

- Tăng tỷ lệ thực hiện chăm sóc sơ sinh thiết yếu sớm đạt 75% trở lên.

- Cải thiện tình trạng dinh dưỡng trẻ em:

+ Duy trì tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể nhẹ cân < 7%.

+ Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi < 17%.

+ Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng gày còm < 3,5%.

+ Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị thừa cân béo phì < 10%

+ Tiếp tục cải thiện tình trạng thiếu vi chất dinh dưỡng bà mẹ và trẻ em.

- Cải thiện, chăm sóc dinh dưỡng 1.000 ngày đầu đời:

+ Tỷ lệ trẻ đẻ nhẹ cân < 2500gr < 5%

+ Tỷ lệ thiếu máu ở phụ nữ có thai dưới 32%

- + Tỷ lệ bà mẹ thực hành cho trẻ bú sớm: 65%
- + Tỷ lệ bà mẹ cho trẻ bú hoàn toàn trong 6 tháng: 50%
- + Tỷ lệ bà mẹ tiếp tục cho trẻ bú mẹ đến khi trẻ được 24 tháng tuổi hoặc lâu hơn: 45%
- + Tỷ lệ bà mẹ cho trẻ từ 6-24 tháng tuổi ăn bổ sung hợp lý đúng cách: 45%.

c) Các hoạt động chủ yếu:

- Hoạt động Dân số - Kế hoạch hóa gia đình (DS - KHHGD):

- * Thực hiện các Chương trình, Đề án về Dân số:
 - Kiểm soát mất cân bằng giới tính khi sinh.
 - Kiểm soát dân số vùng biên giới biển và hải đảo.
 - Chương trình điều chỉnh mức sinh. Củng cố, phát triển và nâng cao chất lượng dịch vụ KHHGD.
 - Mở rộng tầm soát, chẩn đoán, điều trị một số bệnh, tật trước sinh và sơ sinh.
 - Chăm sóc sức khỏe người cao tuổi.
 - Truyền thông, giáo dục về dân số và phát triển.
 - Tổ chức đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng và nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ làm công tác dân số các cấp.
 - Củng cố và phát triển hệ thống thông tin chuyên ngành dân số.
- * Kiểm tra, giám sát, thanh tra chuyên ngành dân số.
- * Mức chi bồi dưỡng cho công tác viên dân số (theo Nghị quyết số 20/2021/NQ- HĐND ngày 10/12/2021 của Hội đồng nhân dân thành phố).
- * Thực hiện chính sách khuyến khích - thi đua khen thưởng: Theo Nghị quyết số 15/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng về việc Quy định một số chính sách khuyến khích, hỗ trợ đối với tập thể, cá nhân thực hiện tốt công tác dân số trên địa bàn thành phố Hải Phòng và các chương trình, kế hoạch của UBND thành phố triển khai.

- Hoạt động phục hồi chức năng cho người khuyết tật tại cộng đồng:

- + Khảo sát thu thập thông tin và cập nhật thông tin đầy đủ về người khuyết tật các dạng, các mức độ vào phần mềm quản lý chăm sóc sức khỏe và phục hồi chức năng cho người khuyết tật của Bộ Y tế.
- + Đào tạo, tập huấn hướng dẫn kỹ năng phát hiện sớm và can thiệp sớm cho người khuyết tật cho các đối tượng cán bộ y tế cơ sở, công tác viên, tình nguyện viên, người nhà, người thân người khuyết tật.

+ Sàng lọc phát hiện khuyết tật và nhu cầu phục hồi chức năng cho người khuyết tật.

+ Xây dựng mô hình phục hồi chức năng tại tuyến y tế cơ sở.

+ Tập huấn, hướng dẫn cán bộ Trạm Y tế, cán bộ của phòng Y tế, Trung tâm Y tế về phục hồi chức năng và phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng; Hướng dẫn phát hiện sớm - can thiệp sớm khuyết tật; triển khai phần mềm quản lý thông tin người khuyết tật.

+ Tập huấn, hướng dẫn cán bộ Phòng Y tế, Trạm Y tế, cộng tác viên sử dụng phiếu thu thập thông tin cá nhân người khuyết tật; cách điều tra, thu thập thông tin người khuyết tật.

+ Điều tra khảo sát thông tin người khuyết tật tại các hộ gia đình.

+ Theo dõi, giám sát điều tra, hỗ trợ nhập liệu.

+ Mua và cung cấp dụng cụ chỉnh hình, dụng cụ phục hồi chức năng phục vụ cho hoạt động phục hồi chức năng cho người khuyết tật.

+ Chi cho con người thực hiện hoạt động phục hồi chức năng cho người khuyết tật tại cộng đồng.

- Hoạt động chăm sóc sức khỏe người cao tuổi:

+ Triển khai hoạt động theo các hoạt động theo Quyết định số 1579/QĐTTg ngày 13/10/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình Chăm sóc sức khỏe người cao tuổi đến năm 2030; Kế hoạch số 70/KH-UBND ngày 19/3/2021 về thực hiện Chương trình Chăm sóc sức khỏe người cao tuổi đến năm 2030 thành phố Hải Phòng.

+ Hướng dẫn và tổ chức thực hiện chính sách chăm sóc sức khỏe người cao tuổi theo Nghị quyết số 15/2022/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân thành phố.

+ Tổ chức truyền thông tư vấn lòng ghép cung cấp dịch vụ khám sàng lọc một số bệnh thường gặp ở người cao tuổi.

+ Bổ sung cơ sở vật chất, trang thiết bị, nâng cao năng lực để Trạm Y tế xã thực hiện khám chữa bệnh cho người cao tuổi.

+ Tổ chức đào tạo, tập huấn chuyên môn cho người làm công tác tư vấn, chăm sóc sức khỏe người cao tuổi ở các cơ sở chăm sóc sức khỏe; cán bộ dân số, công tác viên dân số và tình nguyện viên ở cơ sở.

+ Tổ chức khám sức khỏe định kỳ, lập hồ sơ theo dõi sức khỏe cho người cao tuổi.

+ Thành lập khoa lão, khu giường điều trị người bệnh là người cao tuổi thuộc các Trung tâm Y tế, Bệnh viện đa khoa, chuyên khoa (trừ bệnh viện chuyên khoa nhi).

+ Triển khai thí điểm mô hình chăm sóc sức khỏe ban ngày cho người cao tuổi dựa vào cộng đồng, xây dựng các câu lạc bộ chăm sóc sức khỏe cho người cao tuổi, ứng dụng công nghệ thông tin vào dịch vụ chăm sóc sức khỏe người cao tuổi.

- Hoạt động chăm sóc sức khỏe sinh sản:

- + Truyền thông tư vấn chăm sóc sức khỏe sinh sản.
- + Đào tạo, tập huấn chuyên môn chăm sóc sức khỏe sinh sản.
- + Hoạt động về làm mẹ an toàn và chăm sóc sơ sinh.
- + Hoạt động về chăm sóc sức khỏe sinh sản VTN - Nam học.
- + Hoạt động về triển khai liên kết dịch vụ và dự phòng một số bệnh lây truyền từ cha mẹ sang con.
- + Hoạt động hỗ trợ chuyên môn, kỹ thuật
- + Khám tư vấn sàng lọc ung thư CTC, ung thư vú. Chữa bệnh phụ khoa thông thường tại các xã, phường, quận, huyện trong thành phố.
- + Tổ chức khám tư vấn sàng lọc nhiễm khuẩn đường sinh dục, khám sàng lọc ung thư vú tại các khu công nghiệp, cơ quan.

- Hoạt động phòng chống suy dinh dưỡng, cải thiện tình trạng dinh dưỡng trẻ em và cải thiện, chăm sóc sinh dưỡng 1.000 ngày đầu đời:

- + Kiến toàn mạng lưới.
- + Truyền thông giáo dục dinh dưỡng: truyền thông qua các chiến dịch: “Ngày vi chất dinh dưỡng”; “Tuần lễ dinh dưỡng và phát triển”, các buổi tọa đàm dinh dưỡng...
- + Phối hợp cung cấp thông tin, truyền thông, giám sát các yếu tố nguy cơ, điều trị dự phòng và quản lý sức dinh dưỡng trẻ em.
- + Đào tạo tập huấn, hướng dẫn chuyên môn kỹ thuật về cải thiện tình trạng dinh dưỡng bà mẹ, trẻ em, cải thiện sức khỏe dinh dưỡng cộng đồng.
- + Điều tra, giám sát dinh dưỡng đánh giá tình trạng dinh dưỡng trẻ em dưới 5 tuổi và kiến thức thực hành nuôi dưỡng trẻ của bà mẹ có con dưới 5 tuổi.
- + Tổ chức các chiến dịch: Ngày vi chất dinh dưỡng, uống vitamin A, chiến dịch Tuần lễ dinh dưỡng và phát triển, chiến dịch Phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em.
- + Tổ chức triển khai khám tư vấn dinh dưỡng cho trẻ phát hiện và dự phòng sớm những trẻ có nguy cơ thiếu vi chất dinh dưỡng, suy dinh dưỡng, còi xương, thừa cân- béo phì...
- + Hướng dẫn thực hành dinh dưỡng cho bà mẹ đang nuôi con nhỏ, phụ nữ có thai.

- + Kiểm tra, giám sát các hoạt động dinh dưỡng tại tuyến dưới.
- Phối hợp liên ngành.

4. Chương trình 4: An toàn vệ sinh thực phẩm

a) Mục tiêu chung:

Kiểm soát an toàn thực phẩm trong toàn bộ chuỗi cung cấp thực phẩm được thiết lập, phát huy hiệu quả, chủ động trong việc bảo vệ sức khỏe và quyền lợi người tiêu dùng.

b) Mục tiêu cụ thể:

- Số vụ ngộ độc thực phẩm cấp tính từ 30 người mắc trở lên so với trung bình giai đoạn trước: giảm 40%
- Tỷ lệ mắc ngộ độc thực phẩm cấp tính trong vụ ngộ độc được ghi nhận dưới 6,5 người/100.000 dân.
- 80% cán bộ làm công tác quản lý An toàn thực phẩm tại tuyến thành phố được bồi dưỡng và nâng cao về chuyên môn nghiệp vụ.
- 80% cán bộ làm công tác ATTP tuyến cơ sở (quận/huyện, xã/phường) được bồi dưỡng, nâng cao về chuyên môn nghiệp vụ và kiến thức về ATTP.
- >80% người sản xuất, chế biến, kinh doanh thực phẩm; người tiêu dùng và cán bộ quản lý công tác đảm bảo an toàn thực phẩm được cập nhật kiến thức về an toàn thực phẩm.
- Tỷ lệ mẫu vượt mức cho phép/tổng số mẫu được kiểm tra an toàn thực phẩm trong các chương trình giám sát quốc gia về an toàn thực phẩm < 6%.
- 100% số xã, phường thị trấn tổ chức hoạt động an tuyên truyền an toàn thực phẩm.
- 90% phòng kiểm nghiệm thực phẩm tại thành phố đạt chuẩn TCVN ISO/IEC 17025:2017. Duy trì hệ thống ISO/IEC 17025:2017 và mở rộng các chỉ tiêu được công nhận theo hệ thống ISO 17025 trên 2 lĩnh vực hoá lý nước - thực phẩm và vi sinh nước thực phẩm nhằm đáp ứng yêu cầu của khu vực và hội nhập.

c) Các hoạt động chủ yếu:

- Truyền thông An toàn thực phẩm.
- Đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn, tổ chức hội nghị, hội thảo về phòng chống ngộ độc thực phẩm và các bệnh truyền qua thực phẩm cho cán bộ quản lý an toàn thực phẩm tuyến quận, huyện, xã, phường.
- Thẩm định hồ sơ, tổ chức kiểm tra thực địa và cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện ATTP cho các cơ sở sản xuất, kinh doanh được phân cấp.

- Thanh tra, kiểm tra công tác đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm và đánh giá kế hoạch hàng năm: kiểm tra việc thực hiện các quy định về ATTP, triển khai Tháng hành động vì an toàn thực phẩm, kiểm tra đột xuất phát sinh trong quản lý ATTP, kiểm tra thực hiện nhiệm vụ của các Dự án an toàn thực phẩm.

- Tổ chức các hội nghị, hội thảo về an toàn thực phẩm.

- Điều tra giám sát ngộ độc thực phẩm; duy trì hoạt động giám sát ngộ độc thực phẩm và phân tích nguy cơ ngộ độc thực phẩm.

- Kiểm soát an toàn thực phẩm các cơ sở dịch vụ ăn uống, bếp ăn tập thể và thức ăn đường phố.

- Giám sát, đánh giá và kiểm soát các nguy cơ đối với một số thực phẩm nguy cơ cao.

- Lấy mẫu, kiểm nghiệm mẫu thực phẩm trong hoạt động thanh tra, hậu kiểm, kiểm tra theo các nhóm thực phẩm có nguy cơ cao và theo các thời điểm quan trọng trong năm và đột xuất và phân tích, đánh giá phục vụ công tác quản lý.

- Tổ chức các chiến dịch truyền thông về ATTP tại các thời điểm cao điểm trong năm: Lễ, Tết, Tháng hành động vì an toàn thực phẩm, trung thu, ... và các sự kiện đột xuất.

- Duy trì Tháng hành động vì an toàn thực phẩm, xây dựng nội dung thông điệp.

- Triển khai kỹ thuật và thẩm định phương pháp thử, triển khai phương pháp thử quốc tế, khu vực; đánh giá chất lượng phòng kiểm nghiệm thực phẩm; Sửa chữa, bảo dưỡng, hiệu chuẩn, hiệu chỉnh trang thiết bị cho phòng xét nghiệm.

- Xây dựng mô hình điểm về an toàn thực phẩm.

- Ứng dụng công nghệ thông tin; mua sắm trang thiết bị, phương tiện, dụng cụ phục vụ cho hoạt động chuyên môn.

- Điều hành, giám sát, kiểm tra, báo cáo.

5. Chương trình 5: Phòng, chống HIV/AIDS

a) Mục tiêu chung:

Đẩy mạnh các hoạt động phòng, chống HIV/AIDS để giảm số người mới nhiễm HIV và tử vong liên quan AIDS, chấm dứt dịch AIDS vào năm 2030, giảm tối đa tác động của dịch HIV/AIDS đến sự phát triển kinh tế - xã hội.

b) Mục tiêu cụ thể:

- Can thiệp, giảm tác hại

+ Tiếp tục phối hợp với SCDI triển khai can thiệp giảm tác hại cho 2.900 người NCMT, 1.600 người bán dâm, 1.500 nam quan hệ tình dục đồng giới MSM và tiếp cận các dịch vụ phòng, chống HIV/AIDS.

- + Số người được điều trị Methadone: 4.600.
- + Số người được cấp Methadone về nhà: 700.
- Công tác giám sát dịch HIV/AIDS, tư vấn xét nghiệm HIV
- + Số mẫu giám sát phát hiện: 75.000 mẫu.
- + Số người nhiễm HIV mới giảm 10% so với năm 2020
- + Số mẫu giám sát trọng điểm: 300 mẫu.
- + 100% các quận, huyện được giám sát đảm bảo chất lượng số liệu báo cáo, định kỳ 01 lần/năm.
- + Số lượt người có hành vi nguy cơ cao được xét nghiệm HIV: 11.000
- + 90% tỷ lệ người nhiễm HIV trong cộng đồng biết tình trạng HIV của mình
- + Giám sát hỗ trợ kỹ thuật 18 cơ sở điều trị Methadone 3 tháng/đợt.
- Quản lý điều trị HIV/AIDS
- + 90% tỷ lệ người nhiễm HIV biết tình trạng HIV được điều trị ARV
- + 80% tỷ lệ BN đủ tiêu chuẩn XN tải lượng HIV được làm XN tải lượng
- + 95% tỷ lệ BN có tải lượng VR dưới ngưỡng ức chế
- + 95% tỷ lệ người nhiễm HIV mắc lao được ĐT đồng thời Lao và ARV
- + 95% tỷ lệ Phụ nữ mang thai nhiễm HIV sinh con được điều trị dự phòng LTMC
- + 95% tỷ lệ trẻ em sinh ra từ mẹ nhiễm HIV được ĐT dự phòng LTMC
- + Số khách hàng sử dụng ít nhất 1 lần dịch vụ PrEP (PrEP curr): 1.500
- + 85% tỷ lệ người bệnh đồng nhiễm HIV/viêm gan C được điều trị đồng thời thuốc ARV và điều trị viêm gan C
- Tăng cường năng lực hệ thống phòng, chống HIV/AIDS
- + 100% cán bộ tuyến thành phố được đào tạo, đào tạo lại đủ năng lực để hỗ trợ tuyến dưới và 100% cán bộ tuyến quận, huyện được đào tạo thường xuyên để thực hiện nhiệm vụ chuyên môn.
- + Tiếp nhận, chuyển giao, hỗ trợ kỹ thuật các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ về phòng, chống HIV/AIDS chất lượng, hiệu quả.

c) Các hoạt động chủ yếu:

- Truyền thông phòng, chống HIV/AIDS.
- Đào tạo, tập huấn.
- Giám sát dịch HIV/AIDS, tư vấn xét nghiệm HIV.
- Dự phòng và can thiệp giảm tác hại.

- Chăm sóc điều trị: điều trị nghiện thay thế chất dạng thuốc phiện bằng Methadone; điều trị dự phòng trước phơi nhiễm với HIV (PrEP), điều trị kháng vi rút (ARV) cho người nhiễm HIV và dự phòng lây truyền HIV từ mẹ sang con.
- Tăng cường nâng cao năng lực hệ thống phòng, chống HIV/AIDS.

6. Chương trình 6: Bảo đảm máu an toàn và phòng, chống một số bệnh lý huyết học

a) Mục tiêu chung: Bảo đảm cung cấp máu, an toàn truyền máu và phòng, chống hiệu quả một số bệnh lý huyết học; Tổ chức hoạt động truyền thông về vận động hiến máu tình nguyện để phát triển nguồn người hiến máu và tổ chức các sự kiện hiến máu tình nguyện. Tuyên truyền, đào tạo nâng cao năng lực cho bác sĩ, điều dưỡng, kỹ thuật viên hiểu biết sâu hơn và thực hiện công tác sàng lọc, chẩn đoán và điều trị các bệnh tan máu bẩm sinh và rối loạn đông máu bẩm sinh trong thành phố Hải Phòng.

b) Mục tiêu cụ thể:

- Tổ chức tuyên truyền cho 5.000 lượt người ở những quận, huyện, đơn vị (có phong trào hiến máu tình nguyện còn hạn chế) trong thành phố về ý nghĩa của việc hiến máu cứu người thu về.
- Tổ chức tuyên truyền cho 4.000 người về phòng chống bệnh tan máu bẩm sinh ở trẻ em và bệnh rối loạn đông máu bẩm sinh Hemophilia.
- Tiếp nhận đơn vị máu: Năm 2023 đạt 3.000 đơn vị máu.

c) Các hoạt động chủ yếu:

- Truyền thông vận động hiến máu tình nguyện.
- Tổ chức các hoạt động vận động hiến máu tình nguyện.
- Đào tạo, tập huấn phòng chống bệnh Thalassemia cho bác sĩ, điều dưỡng và người dân.
- Tuyên truyền phòng chống bệnh tan máu bẩm sinh cho người dân.
- Hoạt động chuyên môn.
- Xây dựng ngân hàng máu sống dựa trên lực lượng hiến máu dự bị và bảo đảm an toàn truyền máu cho vùng sâu vùng xa, hải đảo.
- Mua vật tư, trang thiết bị phục vụ công tác chuyên môn.

7. Chương trình 7: Quân dân y kết hợp

a) Mục tiêu chung:

Tăng cường năng lực chăm sóc bảo vệ sức khỏe quân và dân vùng hải đảo, khu vực trọng điểm quốc phòng an ninh, vùng sâu, vùng xa; sẵn sàng ứng phó với thiên tai, dịch bệnh và các tình huống khẩn cấp.

b) Mục tiêu cụ thể:

- Hỗ trợ kỹ thuật, phương tiện, trang thiết bị, thuốc phục vụ khám chữa bệnh và phòng chống dịch bệnh của các cơ sở quân dân y ở vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo.

- Tổ chức huấn luyện các đơn vị cơ động quân dân y, sẵn sàng tham gia khắc phục giảm nhẹ tổn thất do thiên tai thảm họa, dịch bệnh và các tình huống khẩn cấp khác.

- Nâng cao chất lượng đơn vị dự bị động viên ngành y tế, sẵn sàng động viên theo quy định của Pháp luật.

c) Nội dung hoạt động:

- Hoàn thiện về tổ chức hệ thống ban quân dân y các cấp, quán triệt các văn bản chỉ đạo của Chính phủ, Bộ Y tế và Bộ Quốc phòng; xây dựng các kế hoạch bảo đảm.

- Về tăng cường năng lực y tế cơ sở:

- + Ban quân dân y thành phố chủ động tổ chức rà soát các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh quân dân y; đề xuất ngân sách của địa phương để đầu tư sửa chữa nâng cấp cơ sở hạ tầng và mua sắm bổ sung trang thiết bị y tế các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh quân dân y, ưu tiên vùng sâu, vùng xa, hải đảo.

- + Xây dựng kế hoạch, tổ chức tập huấn, huấn luyện, đào tạo tại chỗ nhằm nâng cao trình độ chuyên môn kỹ thuật cho cán bộ nhân viên y tế tại các cơ sở khám chữa bệnh quân dân y.

- Nâng cao chất lượng các đơn vị y tế dự bị động viên, xây dựng các đội cơ động quân dân y phòng chống dịch bệnh, thiên tai, thảm họa.

- + Quản lý, nắm chắc nguồn nhân lực, phương tiện, trang bị, vật chất, vật tư y tế và khả năng động viên y tế của địa phương. Kiện toàn kế hoạch huy động trang thiết bị y tế cho đơn vị dự bị động viên.

- + Rà soát, đề nghị Bộ Chỉ huy quân sự thành phố tăng cường đào tạo sỹ quan dự bị ngành y tế, đề nghị thăng quân hàm cho sỹ quan dự bị theo Luật sỹ quan QĐNDVN và bổ nhiệm vào chức danh chỉ huy đơn vị dự bị động viên.

- + Rà soát, điều chỉnh kế hoạch kết hợp quân dân y phòng chống dịch bệnh, thiên tai, thảm họa; kiện toàn các tổ cơ động về huy động ngành y tế khi có chiến tranh và tình trạng khẩn cấp; xây dựng các phương án xử trí các tình huống khẩn cấp sát với yêu cầu của địa phương, đơn vị.

- Công tác khám chữa bệnh chính sách:

- Tổ chức khám chữa bệnh miễn phí cho các đối tượng chính sách, người nghèo, kết hợp thực hiện công tác dân vận nhân dịp kỷ niệm ngày Thương binh liệt sỹ và các ngày lễ lớn trong năm.

8. Chương trình 8: Theo dõi, kiểm tra, giám sát, đánh giá thực hiện chương trình và truyền thông y tế

a) Mục tiêu chung:

Theo dõi, kiểm tra, giám sát đánh giá bảo đảm thực hiện Chương trình hiệu quả. Triển khai các hoạt động truyền thông y tế, chủ động góp phần phòng, chống bệnh tật nâng cao sức khỏe người dân và cộng đồng.

b) Mục tiêu cụ thể:

- Kiểm tra, giám sát việc thực hiện các chương trình truyền thông về y tế.
- 100% các quận huyện được truyền thông các nội dung của Chương trình trên các phương tiện thông tin đại chúng.
- Tăng cường các hoạt động truyền thông giáo dục sức khỏe qua nhiều kênh, bằng nhiều hình thức nhằm tác động đến nhận thức, thái độ, hành vi của người dân trong cộng đồng.
- Nâng cao tỷ lệ người dân trong cộng đồng biết cách chăm sóc, bảo vệ, nâng cao sức khỏe phòng chống bệnh tật và các dịch bệnh nguy hiểm mới nổi.

c) Các nội dung hoạt động chủ yếu:

- + Theo dõi, kiểm tra, giám sát, đánh giá Chương trình, Dự án.
- + Tổ chức các hoạt động truyền thông về các nội dung của Chương trình trên các phương tiện thông tin đại chúng; Tổ chức các ngày/tháng cao điểm truyền thông phù hợp với các hoạt động của Chương trình, dự án; truyền thông lưu động;
- + Mua sắm trang thiết bị phục vụ công tác truyền thông, trang thiết bị công nghệ thông tin; Xây dựng, sản xuất, nhân bản, phát hành các sản phẩm truyền thông.
- + Tổ chức các hoạt động truyền thông, giáo dục, tư vấn về y tế, dân số và an toàn thực phẩm. Xây dựng, duy trì, triển khai đội truyền thông cơ động; đánh giá kiến thức, thái độ, thực hành về an toàn thực phẩm của các nhóm đối tượng.

V. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy đảng, chính quyền các cấp

- Nâng cao vai trò, trách nhiệm cấp ủy, chính quyền các cấp trong công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân, DS - KHHGD.
- Đưa các chỉ tiêu y tế - dân số vào nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, sử dụng có hiệu quả nguồn ngân sách nhà nước và các nguồn kinh phí hợp pháp khác để triển khai các chương trình, dự án.

2. Giải pháp về truyền thông, giáo dục sức khỏe phòng, chống dịch bệnh và DS - KHHGD trong chương trình

Tiếp tục thực hiện tốt công tác tuyên truyền các nội dung chương trình mục tiêu Y tế - Dân số, tập trung tuyên truyền có trọng tâm, trọng điểm về các bệnh

thường gặp, bệnh truyền nhiễm, rối loạn sức khỏe tâm thần, bệnh không lây nhiễm, dân số, kế hoạch hóa gia đình, nâng cao chất lượng dân số, mất cân bằng giới tính khi sinh, an toàn thực phẩm, phòng, chống HIV/AIDS,... thông qua nhiều hình thức, đặc biệt chú ý đến hình thức tuyên truyền trực tiếp tại cộng đồng.

3. Giải pháp về nguồn vốn

Nguồn ngân sách địa phương và các nguồn vốn hợp pháp khác theo quy định.

4. Hợp tác quốc tế

Tăng cường hợp tác với các tổ chức quốc tế thông qua các hình thức phù hợp để huy động nguồn lực hỗ trợ thực hiện kế hoạch.

5. Lồng ghép trong quá trình thực hiện Chương trình

Thực hiện lồng ghép các hoạt động của Chương trình với các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch ngành y tế giai đoạn 2021 - 2025 và các Dự án, Chương trình khác liên quan đang triển khai thực hiện.

6. Điều hành, quản lý thực hiện Chương trình

- Giao Sở Y tế là đơn vị đầu mối tổ chức triển khai thực hiện Chương trình, đảm bảo đúng tiến độ, chất lượng, hiệu quả trong phạm vi ngân sách được duyệt.

- Sở Y tế chỉ đạo các đơn vị trực thuộc tham mưu xây dựng kế hoạch hoạt động hàng năm và triển khai thực hiện các dự án đảm bảo tiến độ giao.

- Tăng cường công tác giám sát thực hiện để kịp thời giải quyết các vấn đề còn tồn tại, khắc phục các khó khăn trong quá trình triển khai thực hiện.

7. Nguồn nhân lực thực hiện chương trình

Huy động nguồn nhân lực y tế, từ thành phố đến quận, huyện, xã, phường tham gia thực hiện các hoạt động của Chương trình Y tế - Dân số theo chức năng, nhiệm vụ được giao trong công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân.

VI. KINH PHÍ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH

1. Kinh phí thực hiện Kế hoạch từ nguồn ngân sách nhà nước được giao tại Quyết định số 4268/QĐ-UBND ngày 13/12/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc giao dự toán thu, chi ngân sách năm 2023 cho các cấp, các ngành, các đơn vị.

2. Lồng ghép từ nguồn kinh phí thực hiện các chương trình, kế hoạch, đề án khác có liên quan, nguồn Quỹ Bảo hiểm y tế hoặc huy động các nguồn lực tài chính hợp pháp khác (nếu có).

VII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Y tế

- Chủ trì hướng dẫn, tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch.

- Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành liên quan và UBND các quận, huyện tổ chức triển khai kế hoạch Chương trình Y tế - Dân số năm 2023 trên địa bàn thành phố; theo dõi, giám sát, đôn đốc việc thực hiện kế hoạch Chương trình Y tế - Dân số năm 2023.

- Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành liên quan và UBND các quận, huyện thực hiện tốt việc lồng ghép các dự án, hoạt động thuộc Chương trình Y tế - Dân số với các chương trình kinh tế - xã hội khác của thành phố, của địa phương, đơn vị. Sử dụng hiệu quả nguồn kinh phí Chương trình Y tế - Dân số năm 2023.

- Hàng năm, căn cứ dự toán kinh phí của các hoạt động, dự án Chương trình Y tế - Dân số của các đơn vị, xây dựng dự toán kinh phí thực hiện Chương trình Y tế - Dân số của năm tiếp theo, trình các cấp thẩm quyền theo quy định;

- Hướng dẫn các đơn vị, tổ chức liên quan triển khai thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Y tế, của Trung ương.

- Theo dõi, kiểm tra tiến độ thực hiện của Chương trình, định kỳ tổ chức sơ kết, tổng kết đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch Chương trình Y tế - Dân số năm 2023 trên địa bàn thành phố.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư

- Tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố đưa các mục tiêu, chỉ tiêu về chương trình Y tế - Dân số vào chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của thành phố, của ngành và của địa phương.

- Phối hợp với Sở Tài chính bố trí nguồn lực đầu tư cho ngành Y tế và các đơn vị liên quan thực hiện kế hoạch.

3. Sở Tài chính

Chủ trì, phối hợp cùng Sở Y tế và các cơ quan liên quan tham mưu cho Ủy ban nhân dân thành phố về kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện Kế hoạch đảm bảo quy định.

4. Sở Công Thương

- Phối hợp với Sở Y tế, các sở, ban, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân các quận, huyện, triển khai các giải pháp, các chương trình, các đề án thực hiện kế hoạch trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn được giao về An toàn thực phẩm.

- Quản lý an toàn thực phẩm trong suốt quá trình sản xuất, sơ chế, chế biến, kinh doanh đối với các nhóm hàng thực phẩm thuộc quản lý của ngành Công thương.

- Tham gia phối hợp với Cục Quản lý thị trường kiểm tra, kiểm soát ngăn chặn việc kinh doanh thực phẩm giả, thực phẩm kém chất lượng, thực phẩm nhập lậu, không rõ nguồn gốc xuất xứ khi có yêu cầu.

5. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Phối hợp với Sở Y tế thực hiện các nội dung chương trình trong phạm vi, lĩnh vực được phân công quản lý; triển khai các nhiệm vụ giải pháp, các chương trình thực hiện kế hoạch trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao về quản lý an toàn thực phẩm.

- Chủ trì hỗ trợ xây dựng các mô hình sản xuất thực phẩm nông sản, thủy sản chất lượng, an toàn thực phẩm, nhân rộng các mô hình, xây dựng các chuỗi liên kết cung ứng thực phẩm nông lâm thủy sản an toàn thành các chuỗi giá trị ngành hàng chất lượng, an toàn và bền vững; thực hiện giám sát chất lượng, an toàn thực phẩm nông lâm thủy sản theo chuỗi cung ứng từ sản xuất đến tiêu thụ.

6. Sở Thông tin và Truyền thông

- Chỉ đạo các cơ quan báo chí, Cổng Thông tin điện tử thành phố, hệ thống thông tin cơ sở tổ chức tuyên truyền sâu rộng bằng nhiều kênh thông tin; xây dựng các chuyên mục, chuyên trang nhằm cung cấp thông tin, kiến thức góp phần nâng cao nhận thức và thay đổi hành vi của người dân về Chương trình Y tế - Dân số.

- Phối hợp với Sở Y tế và các đơn vị liên quan cung cấp thông tin, tài liệu cho các cơ quan truyền thông về việc triển khai thực hiện Chương trình Y tế - Dân số năm 2023 trên địa bàn thành phố.

7. Sở Giáo dục và Đào tạo

- Phối hợp với Sở Y tế tổ chức tuyên truyền, giáo dục về phòng, chống dịch bệnh, an toàn thực phẩm trong nhà trường, huy động giáo viên và học sinh tham gia tích cực công tác vệ sinh môi trường; khám sàng lọc, tư vấn điều trị một số bệnh như cận thị, cong vẹo cột sống, thừa cân béo phì, bệnh răng miệng, rối loạn tâm thần học đường.

- Phối hợp với Ủy ban nhân dân các quận, huyện, chỉ đạo phòng Giáo dục và Đào tạo thực hiện tốt công tác đảm bảo y tế học đường; đôn đốc, kiểm tra các bếp ăn của các nhà trẻ, mẫu giáo, các trường học bán trú...

8. Bộ Chỉ huy quân sự thành phố

Chủ trì, phối hợp với Sở Y tế với các cơ quan liên quan thực hiện Chương trình quân dân y kết hợp.

9. Công an thành phố

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan kiểm soát, ngăn chặn việc nhập lậu thực phẩm; phát hiện, điều tra, xử lý và hỗ trợ xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về an toàn thực phẩm; phòng chống ma túy, mại dâm trên địa bàn thành phố.

10. Sở, ban, ngành có liên quan

Chủ trì, phối hợp với Sở Y tế với các cơ quan liên quan thực hiện Chương trình Y tế - Dân số năm 2023.

11. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố và các đoàn thể thành phố

Phối hợp với ngành y tế với các cơ quan liên quan để thực hiện Chương trình Y tế - Dân số năm 2023.

12. Ủy ban nhân dân các quận, huyện

- Phối hợp với ngành y tế; chỉ đạo, xây dựng và tổ chức thực hiện nội dung kế hoạch Chương trình Y tế - Dân số năm 2023 của địa phương.

- Chủ động cân đối, bố trí kinh phí để thực hiện các nội dung nhiệm vụ thuộc trách nhiệm của địa phương.

- Đưa các chỉ tiêu, mục tiêu Chương trình Y tế - Dân số vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

- Phối hợp với ngành Y tế chỉ đạo, triển khai thực hiện các biện pháp đảm bảo thực hiện đạt các mục tiêu của Chương trình Y tế - Dân số gắn với cuộc vận động nhân dân thực hiện nếp sống văn minh tại địa phương.

Trên đây là Kế hoạch thực hiện Chương trình Y tế - Dân số năm 2023 trên địa bàn thành phố, yêu cầu Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, đoàn thể thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện triển khai thực hiện, báo cáo kết quả về Sở Y tế để tổng hợp báo cáo theo quy định./.

Nơi nhận:

- TT. TU, TT. HĐND TP;
- CT, các PCT. UBND TP;
- Ủy ban MTTQVN TP;
- Các Sở, ban ngành, đoàn thể TP;
- Ủy ban nhân dân các quận, huyện;
- Báo HP; Đài PT và TH Hải Phòng;
- Công thông tin điện tử TP;
- CPVP;
- Phòng NC&KTGS;
- CV: YT;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Khắc Nam